TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày: 09-01-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông **Ngô Văn Điện** – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B** – sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2017 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:***

Nguyên vào ngày 19/6/2014 ông Nguyễn Văn T có vay của chị số tiền 30.000.000đ để phục vụ sản xuất, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Thời gian trả vốn là khi chị cần thì báo cho ông T trước 30 ngày để ông chuẩn bị tiền trả cho chị. Chị đã giao đủ cho ông T nhận số tiền 30.000.000đ, do chỗ bà con nên không làm biên nhận giao nhận tiền giữa chị và ông T. Sau khi ông T đóng lãi cho chị từ ngày 19/6/2014 đến ngày 19/12/2014 là 06 tháng: 30.000.000đ x 1%/tháng x 6 tháng = 1.800.000đ đến ngày 25/12/2014 ông T tiếp tục vay của chị số tiền 40.000.000đ, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 1%/tháng. Chị đã giao đủ cho ông T nhận 40.000.000đ do chỗ bà con nên chị và ông T cũng không làm biên nhận. Tổng cộng 02 lần ông T vay của chị số tiền là 70.000.000đ. Ông T đóng lãi cho chị được 01 tháng từ ngày 25/12/2014 đến ngày 25/01/2015 là 70.000.000đ x 1%/tháng x 01 tháng = 700.000đ. Từ đó đến nay ông T không đóng lãi và cũng không trả số tiền vốn vay cho chị. Chị có nhờ tổ hòa giải ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm hòa giải ngày 11/5/2015 ông T thừa nhận có thiếu chị số tiền vốn vay 02 lần là 70.000.000đ. Ngày 22/5/2017 ông T trả cho chị số tiền vốn là 2.000.000đ, ông T còn nợ chị số tiền vốn vay là 68.000.000đ.

Nay chị yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả cho chị số tiền vốn vay là 68.000.000đ và tiền lãi từ ngày 25/01/2015 đến ngày 25/7/2017 theo mức lãi suất 1%/tháng là 68.000.000đ x 1%/tháng x 30 tháng = 20.400.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 88.400.000đ và yêu cầu tính lãi tiếp cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại phiên tòa chị B tự nguyện giảm cho ông T 50% tiền lãi là 10.200.000đ. Chị B yêu cầu ông T trả cho chị số tiền vốn vay là 68.000.000đ và tiền lãi là 10.200.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 78.200.000đ.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 10 tháng 08 năm 2017 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:***

Ông thừa nhận có vay của chị Nguyễn Thị B 03 lần với tổng số tiền vốn vay là 70.000.000đ. Khi chị B kiện ông ra chính quyền địa phương được tổ hòa giải ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm hòa giải ông thừa nhận có nợ chị B số tiền vốn vay là 70.000.000đ, sau cuộc hòa giải đó ông đã trả cho chị B 03 lần tổng số tiền là 25.000.000đ. Ông chỉ còn nợ lại chị B số tiền vốn vay là 45.000.000đ. Các lần ông trả tiền cho chị B chỉ có ông và chị B biết chứ không có giấy tờ gì chứng minh.

Nay đối với yêu cầu của chị B yêu cầu ông phải trả cho chị B số tiền vốn vay là 68.000.000đ và tiền lãi từ ngày 25/01/2015 đến ngày 25/7/2017 theo mức lãi suất 1%/tháng là 68.000.000đ x 1%/tháng x 30 tháng = 20.400.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 88.400.000đ và yêu cầu tính lãi tiếp cho đến khi kết thúc vụ kiện thì ông không đồng ý ông chỉ đồng ý trả cho chị B số tiền vốn vay là 45.000.000đ ông không đồng ý trả tiền lãi.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2017; giấy chứng minh nhân dân bản sao; sổ hộ khẩu bản sao; đơn xin xác nhận đăng ký hộ khẩu

thường trú và có mặt tại địa phương của Nguyễn Văn T; 01 biên bản hoà giải ngày 11/5/2015 bản gốc; 01 đơn xin miễn giảm án phí ngày 14 tháng 7 năm 2017 bản gốc.

Bị đơn đã nộp: 01 bảng khai ý kiến ngày 10 tháng 8 năm 2017 bản gốc.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: áp dụng Điều 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B. Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 68.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/01/2015 đến ngày 25/7/2017 là 30 tháng theo lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước. Nhưng việc chị B tự nguyện giảm 50% phần lãi suất còn lại thấp hơn lãi suất cơ bản của ngân hàng là có lợi cho bị đơn nên cần được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải nộp 3.910.000đ.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập ông Nguyễn Văn T hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác, ông T biết rõ chị Nguyễn Thị B kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông. Nên quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hợp đồng vay tài sản giữa chị Nguyễn Thị B với ông Nguyễn Văn T các bên thừa nhận ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận.

Chị B đã thực hiện xong nghĩa vụ giao cho ông T nhận số tiền vốn vay là 70.000.000đ. Khi vay ông T không có làm biên nhận cho chị B. Từ khi nhận được tiền vay ông T đóng lãi cho chị B được số tiền 2.500.000đ. Chị B thừa nhận ông T trả cho chị số tiền vốn vay là 2.000.000đ còn nợ lại số tiền 68.000.000đ từ đó đến nay không trả cho chị được khoản tiền nào khác. Nay chị B yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả cho chị số tiền vốn là 68.000.000đ và tiền lãi là 10.200.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 78.200.000đ do ông T có mối quan hệ bà con chú bác ruột hơn nữa hoàn cảnh kinh tến khó khăn nên chị tự nguyện giảm cho ông T 50% tiền lãi. Việc chị B tự nguyện là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật, đạo đức xã hội. Việc chị B tự nguyện giảm lãi suất cho ông T là thấp hơn mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nên được chấp nhận.

[3] Ông Nguyễn Văn T thừa nhận có vay của chị B số tiền là 70.000.000đ nhưng ông cho rằng sau cuộc hòa giải ở ấp ông đã trả cho chị B 03 lần tổng số tiền là 25.000.000đ. Ông chỉ còn nợ lại chị B số tiền vốn vay là 45.000.000đ nhưng ông không có chứng cứ nào chứng minh việc ông đã trả tiền cho chị B số tiền 25.000.000đ. Nên yêu cầu của ông T là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn T phải nộp 3.910.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 357 Bộ luật dân sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B.

[1] Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền vốn vay là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng) và tiền lãi là 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 78.200.000đ (Bảy mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 3.910.000đ (Ba triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị B không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 2.275.000đ (Hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N^0 0008162 ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui